

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HS-ST

Ngày: 04/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH KON TUM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Kim Hùng và ông Nghiêm Đình Hiệu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Kon Tum xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

- **A C** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 15 tháng 8 năm 1996 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Đăk P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 00/12; Dân tộc: Xơ Đăng; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A K, sinh năm 1965 và bà Y P sinh năm 1969; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn anh em, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 10/11/2022 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Bà Đinh Thị S; sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Đăk P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 27/10/2022, bà Đinh Thị S kiểm đếm tiền bán hàng và dùng dây thun buộc 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) bỏ vào trong ngăn kéo học bàn tại cửa hàng tạp hóa của mình. Sau đó bà S có lấy 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng*) trả tiền mua cà phê và khoảng 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) để thối tiền mua hàng cho khách từ sấp tiền trên, số tiền còn lại bà S tiếp tục để vào trong ngăn kéo bàn tại cửa hàng tạp hóa. Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, A C (sinh ngày 15/8/1996; trú tại: thôn Đăk P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K) đi bộ đến cửa hàng tạp hóa của bà S để mua thuốc lá. Khi đến cửa hàng tạp hóa thấy không thấy có người trông coi, A C đã lén lút đi đến bàn để tiền và kéo học bàn ra lấy một xấp tiền buộc sẵn bằng dây thun và đi về. Sau khi trộm cắp số tiền trên, A C lấy năm tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) tức là 250.000 đồng (*Hai trăm năm mươi ngàn đồng*) để đi mua bia, thuốc lá, cá hấp về nhậu với ông A G là người cùng thôn. Sáng ngày 28/10/2022, A C tiếp tục lấy bốn tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*) tức là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) giữ lại trong túi quần, còn số tiền còn lại đi cất giấu tại bụi tre bên cạnh bờ suối gần nhà, sau đó đi mua nước ngọt và rượu tiếp tục về nhậu tại nhà ông A Glom.

Sau khi Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ mời làm việc, A C đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 3.455.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, trong đó 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm ngàn đồng*) cất giấu ở bụi tre và 155.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) A C lấy trong sáng ngày 28/10/2022 nhưng chưa tiêu xài hết. Như vậy, số tiền A C trộm cắp tại cửa hàng tạp hóa bà Đinh Thị S là 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). A C đã tiêu xài cá nhân hết 295.000 đồng (*Hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Về vật chứng của vụ án thu giữ trong quá trình điều tra: Số tiền mặt 3.455.000 (*Ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) cụ thể: Hai tờ tiền chất liệu Polymer mệnh giá 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), mười ba tờ tiền chất liệu Polymer mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*), hai mươi ba tờ tiền chất liệu Polymer mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*), một tờ tiền chất liệu cotton (giấy) mệnh giá 5.000 đồng (*Năm ngàn đồng*). Tất cả số tiền trên được niêm phong trong một phong bì: mặt trước có in nội dung “CÔNG AN TỈNH K CÔNG AN HUYỆN Đ”. Tại các mép dán bên ngoài mặt sau có 03 (ba) hình dấu tròn ghi nội dung

“*CÔNG AN HUYỆN Đ TỈNH K *CÔNG AN THỊ TRẤN Đ” và các chữ ký ghi họ tên Hoàng Duy Hùng, Vũ Văn Duy, A Gửi và điểm chỉ ngón trỏ tay phải của A C.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đinh Thị S số tiền 3.455.000 (*Ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Về dân sự: Bị cáo A C đã khắc phục hậu quả số tiền 295.000 đồng (*Hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) số tiền đã tiêu xài cá nhân trong tổng số tiền đã trộm của bị hại Đinh Thị S. Sau khi nhận tiền từ Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và từ bị cáo A C, bị hại Đinh Thị S không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 10/CT-VKSHĐG ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh K truy tố bị cáo A C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả tài sản cho chủ sở hữu là bà Đinh Thị S, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Đinh Thị S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại bà Đinh Thị S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại Cơ quan điều tra đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng tới quá trình xét xử. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 27/10/2022 do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo A C khi đến mua thuốc lá tại cửa hàng tạp hóa bà Đinh Thị S, địa chỉ: thôn Đăk P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K, lợi dụng lúc không có ai trông coi đã có hành vi lén lút, bí mật mở ngăn kéo học bàn đựng tiền lấy trộm 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân*: Bị cáo có nhân thân tốt;

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho bị hại, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 295.000 đồng mà bị cáo đã dùng tiêu xài cá nhân, đồng thời bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo A C là ít nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong cộng đồng. Do bị cáo A C không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ số tiền mặt 3.455.000 (*Ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) cụ thể: Hai tờ tiền chất liệu Polymer mệnh giá 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), mười ba tờ tiền chất liệu Polymer mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*), hai mươi ba tờ tiền chất liệu Polymer mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*), một tờ tiền chất liệu cotton (giấy) mệnh giá 5.000 đồng (*Năm ngàn đồng*). Tất cả số tiền trên được niêm phong trong một phong bì: mặt trước có

in nội dung “CÔNG AN TỈNH K CÔNG AN HUYỆN Đ”. Tại các mép dán bên ngoài mặt sau có 03 (ba) hình dấu tròn ghi nội dung “*CÔNG AN HUYỆN Đ TỈNH K *CÔNG AN THỊ TRẤN Đ” và các chữ ký ghi họ tên Hoàng Duy Hùng, Vũ Văn Duy, A Gửi và điểm chỉ ngón trỏ tay phải của A C.

Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đinh Thị S số tiền 3.455.000 (*Ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) là đúng quy định của pháp luật, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo A C đã khắc phục hậu quả số tiền 295.000 đồng (*Hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) là số tiền bị cáo đã tiêu xài cá nhân trong tổng số tiền đã trộm của bị hại Đinh Thị S; bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên HĐXX không đề cập đến.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, bị cáo A C xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn Đắc P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K là thôn đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bị cáo được miễn số tiền: 200.000 đồng, án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A C đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo A C 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo A C cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ giám sát giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo A C.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/01/2023). Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND Tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan điều tra – Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Trình